SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
**PKĐK ĐOÀN THUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 136 /TTr-PKĐKĐT

*Đại Lộc, ngày 06 tháng 10 năm 2026*

# TỜ TRÌNH

## XIN CÔNG BỐ DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH NĂM 2026

**Kính gửi:**
- **Sở Y tế thành phố Đà Nẵng.**
- **Phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế thành phố Đà Nẵng.**

Phòng khám Đa khoa Đoàn Thung là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Bác sĩ Đoàn Thung đã được Phòng Doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh thành phố Đà Nẵng cấp mã số doanh nghiệp: 4001226381 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 08 năm 2025.

Phòng khám Đa khoa Đoàn Thung được Sở Y tế thành phố Đà Nẵng cấp Giấy phép hoạt động số: 01354/ĐNA-GPHĐ ngày 17 tháng 09 năm 2025.

Mã cơ sở khám chữa bệnh: 49912

Địa điểm hành nghề: 100 Hùng Vương, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn được Sở Y tế Đà Nẵng phê duyệt ban hành kèm theo Giấy phép hoạt động;

Thời gian làm việc hằng ngày: Từ 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 và 7 ngày/tuần kể cả các ngày lễ.

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Nay phòng khám Đa khoa Đoàn Thung lập tờ trình kính xin Sở Y tế thành phố Đà Nẵng công bố danh sách đăng ký người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phòng khám đa khoa Đoàn Thung. *(Danh sách đính kèm)*

Kính mong sự quan tâm của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng.

Trân trọng kính trình !.

***Nơi nhận:***
-Như trên
-Lưu VT

**GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 4001226381 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA BÁC SĨ ĐOÀN THUNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

**Phạm Ngọc Tâm**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---

# DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ TẠI CƠ SỞ KHÁM CHỮA BỆNH

**(Theo PL01 Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của chính phủ)**

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **PHÒNG KHÁM ĐA KHOA ĐOÀN THUNG**
2. Địa chỉ: 100 Hùng Vương, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng.
3. Thời gian làm việc hàng ngày của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: từ 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 và 7 ngày/ tuần.
4. Danh sách giảm người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh[2] | Vị trí chuyên môn[3] | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)[4] | Ghi chú[5] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Nguyễn Thị Anh | 000480/QNA-CCHN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa; Siêu âm tổng quát | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa | không | Giảm hẳn từ ngày 06/10/2026 |

*Đại Lộc, ngày 06 tháng 10 năm 2026*

**GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 4001226381 CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA BÁC SĨ ĐOÀN THUNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

**Phạm Ngọc Tâm**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---

# DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ TẠI CƠ SỞ KHÁM CHỮA BỆNH

**(Theo mẫu số 01 PL II Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của chính phủ)**

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **PHÒNG KHÁM ĐA KHOA ĐOÀN THUNG**
2. Địa chỉ: 100 Hùng Vương, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng.
3. Thời gian làm việc hàng ngày của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: từ 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 và 7 ngày/ tuần.
4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh[2] | Vị trí chuyên môn[3] | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)[4] | Ghi chú[5] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Phạm Ngọc Tâm | 000207/QNA-CCHN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên sản phụ khoa, Siêu âm tổng quát | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | **Người chịu trách nhiệm chuyên môn phòng khám,** Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên Sản phụ khoa | không | |
| 2. | Đoàn Thung | 000212/QNA-CCHN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội; siêu âm sản phụ khoa, siêu âm tổng quát | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | **Bác sĩ phụ trách phòng khám Nội;** Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | không | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh[2] | Vị trí chuyên môn[3] | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)[4] | Ghi chú[5] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3. | Lê Nguyên | 002112/QNA-CCHN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội; siêu âm tim, đọc kết quả điện tim | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | không | |
| 4. | Nguyễn Công Trúc | 000842/QNA-CCHN | Bác sĩ đa khoa | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Bác sĩ đa khoa, **phụ trách phòng cấp cứu** | không | |
| 5. | Hà Thế Huynh | 000222/QNA-CCHN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | không | |
| 6. | Trịnh Sinh | 002022/QNA-CCHN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội; nội soi tiêu hoá | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | không | |
| 7. | Võ Thị Nữ | 008525/QNA-CCHN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | không | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh[2] | Vị trí chuyên môn[3] | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)[4] | Ghi chú[5] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8. | Lê Ngọc Tăng | 000226/QNA-CCHN | Bác sĩ khám, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | **Bác sĩ phụ trách phòng khám Ngoại**; khám, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại | không | |
| 9. | Lương Thị Hậu | 005811/QNA-CCHN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | **Bác sĩ phụ trách phòng khám Nhi**; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi | không | |
| 10. | Nguyễn Thị Thuý Diễm | 008515/QNA-CCHN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | không | |
| 11. | Nguyễn Như Hùng Anh | 007298/QNA-CCHN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | **Bác sĩ phụ trách Phòng khám YHCT**; khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | không | |
| 12. | Châu Thị Lê | 009152/QNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Cử nhân X Quang | không | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh[2] | Vị trí chuyên môn[3] | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)[4] | Ghi chú[5] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Y Tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y | | | | |
| 13. | Phạm Thị Trúc Ly | 008239/QNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Cử nhân X Quang; **phụ trách bộ phận chuyên môn khoa chẩn đoán hình ảnh** | không | |
| 14. | Nguyễn Hồng Đạt | 009547/QNA-CCHN | Cử nhân chuyên khoa xét nghiệm y học | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Cử nhân chuyên khoa xét nghiệm y học | không | |
| 15. | Phạm Thị Xuân | 008104/QNA-CCHN | Cử nhân chuyên khoa xét nghiệm y học | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ | Cử nhân chuyên khoa xét nghiệm y học; **phụ** | không | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh[2] | Vị trí chuyên môn[3] | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)[4] | Ghi chú[5] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | **trách phòng xét nghiệm** | | |
| 16. | Hồ Thị Minh Ánh | 008328/QNA-CCHN | Cử nhân chuyên khoa xét nghiệm y học | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Cử nhân chuyên khoa xét nghiệm y học | không | |
| 17. | Trần Phước Lộc | 001906/QNA-CCHN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên Sản phụ khoa; siêu âm sản phụ khoa, siêu âm tổng quát | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | **Bác sĩ phụ trách phòng khám Sản**; khám bệnh, chữa bệnh chuyên Sản phụ khoa | không | |
| 18. | Nguyễn Thị Thanh Thuý | 008182/QNA-CCHN | Thực hiện theo thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Cử nhân phục hồi chức năng | không | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh[2] | Vị trí chuyên môn[3] | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)[4] | Ghi chú[5] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19. | Nguyễn Văn Thống | 003848/QNA-CCHN | Y sĩ đa khoa, thực hiện bó bột | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Y sĩ đa khoa | không | |
| 20. | Phạm Ánh Đạt | 007502/QNA-CCHN | KTV Thực hiện kỹ thuật phục hồi chức năng | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | KTV Thực hiện kỹ thuật phục hồi chức năng | không | |
| 21. | Phan Thị Lan Thảo | 004394/QNA-CCHN | Y sĩ đa khoa; bổ sung phạm vi chuyên môn chuyên khoa Y học cổ truyền | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Y sĩ đa khoa;Y học cổ truyền | không | |
| 22. | Nguyễn Hữu Đức | 005673/QNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số,tiêu chuẩn chức danh | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Điều dưỡng nha khoa | không | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh[2] | Vị trí chuyên môn[3] | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)[4] | Ghi chú[5] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | nghề nghiệp điều dưỡng | | | | |
| 23. | Nguyễn Thị Kim Ánh | 001931/QNA-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Điều dưỡng đa khoa | không | |
| 24. | Trương Văn Tâm | 000740/QNA-GPHN | Y sĩ Y học cổ truyền | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Y sĩ Y học cổ truyền | không | |
| 25. | Nguyễn Thị Liên | 004392/QNA-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Điều dưỡng đa khoa | không | |
| 26. | Trần Thị Thanh Vĩ | 007979/QNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng | không | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh[2] | Vị trí chuyên môn[3] | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)[4] | Ghi chú[5] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | nghề nghiệp điều dưỡng | | | | |
| 27. | Hà Thị Thanh Trình | 004447/QNA-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Điều dưỡng đa khoa | không | |
| 28. | Thái Thị Hoàng Phượng | 008738/QNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y sĩ | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Thực hiện theo Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y sĩ | không | |
| 29. | Lê Thị Kim Luyến | 004366/QNA-CCHN | Y sĩ Đa khoa | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Y sĩ Đa khoa | không | |
| 30. | Nguyễn Thị Thu Thảo | 005923/QNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT- | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ | Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT- | không | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh[2] | Vị trí chuyên môn[3] | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)[4] | Ghi chú[5] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hộ sinh | 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hộ sinh | | |
| 31. | Nguyễn Thị Minh | 006690/QNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng. **Phụ trách bộ phận chuyên môn Điều dưỡng** | không | |
| 32. | Bùi Thị Thuý Phượng | 006999/QNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn | không | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh[2] | Vị trí chuyên môn[3] | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)[4] | Ghi chú[5] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng | | chức danh nghề nghiệp điều dưỡng | | |
| 33. | Nguyễn Thị Bích Phương | 009321/QNA-CCHN | Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng. | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Điều dưỡng chuyên ngành Nha khoa | không | |
| 34. | Nguyễn Thị Tâm | 003475/QNA-CCHN | Hộ sinh viên sản phụ khoa | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Hộ sinh viên sản phụ khoa | không | |
| 35. | Nguyễn Thị Tuyết | 000234/QNA-CCHN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tim mạch; siêu âm tim, siêu âm tổng quát | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội | không | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh[2] | Vị trí chuyên môn[3] | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)[4] | Ghi chú[5] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 36. | Võ Văn Tín | 008252/QNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Kỹ thuật viên X Quang | không | |
| 37. | Trần Thị Thu Thảo | 006919/ĐNA-CCHN | KTV thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | KTV thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm | không | |
| 38. | Bùi Quang Lành | 009018/QNA-CCHN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền; bổ sung phạm vi chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Phục hồi chức năng | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | **Bác sĩ phụ trách phòng khám PHCN**; khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng | không | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh[2] | Vị trí chuyên môn[3] | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)[4] | Ghi chú[5] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 39. | Phan Thị Yến Nga | 009234/QNA-CCHN | Cử nhân điều dưỡng | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Cử nhân điều dưỡng | không | |
| 40. | Nguyễn Quang Dũng | 000373/ĐNA-GPHN | Cử nhân xét nghiệm | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Cử nhân xét nghiệm | không | |
| 41. | Ngô Thị Lan Anh | 000460/QNA-GPHN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | **Bác sĩ phụ trách phòng khám Răng Hàm Mặt**; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt | không | |
| 42. | Lê Minh Hùng | 000481/QNA-CCHN | Bác sĩ chuyên khoa Mắt | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Bác sĩ chuyên khoa Mắt; **phụ trách phòng khám Mắt**. | không | |
| 43. | Trần Thị Thu Thương | 001040/ĐNA-GPHN | Bác sĩ khám bệnh chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ | Bác sĩ khám bệnh chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | không | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh[2] | Vị trí chuyên môn[3] | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)[4] | Ghi chú[5] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | | | |
| 44. | Huỳnh Thị Phương Thảo | 000152/QNA-GPHN | Cử nhân Điều dưỡng | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Cử nhân Điều dưỡng | không | |
| 45. | Trần Thị Thanh Trang | 001389/ĐNA-GPHN | Kỹ thuật y hình ảnh y học | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Kỹ thuật y hình ảnh y học | không | |
| 46. | Trần Thị Thanh Huyền | 001502/ĐNA-GPHN | Cử nhân Điều dưỡng | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Cử nhân Điều dưỡng | không | |
| 47. | Đoàn Thị Yến Nhi | 009034/QNA-CCHN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa; có chứng chỉ siêu âm tim, siêu âm mạch máu, chứng chỉ siêu âm tổng quát, chứng chỉ kỹ | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, phụ trách siêu âm | Không | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh[2] | Vị trí chuyên môn[3] | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)[4] | Ghi chú[5] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | thuật tiêm khớp-tiêm mô quanh gân | | | | |
| 48. | Bùi Phụ Tâm | 044695/HCM-CCHN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng; **Phụ trách bộ phận chuyên môn phòng khám Tai Mũi Họng** | Không | |
| 49. | Trịnh Sanh | 000215/QNA-CCHN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt; bổ sung phạm vi chuyên môn khám bệnh chữa bệnh Nội khoa; siêu âm tổng quát, siêu âm sản phụ khoa | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt; khám bệnh chữa bệnh Nội khoa; siêu âm tổng quát, siêu âm sản phụ khoa | Không | |
| 50. | Nguyễn Văn Chiến | 007405/QNA-CCHN | Y sĩ Y học cổ truyền khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Y sĩ Y học cổ truyền khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | Không | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh[2] | Vị trí chuyên môn[3] | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)[4] | Ghi chú[5] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 51. | Trần Thị Thảo | 002537/ĐNA-CCHN | Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch viên chức điều dưỡng | Toàn thời gian: 06 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ T2T3T4T5T6T7CN | Điều dưỡng | Không | |

*Đại Lộc, ngày 06 tháng 10 năm 2026*

**GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 4001226538 CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA BÁC SĨ ĐOÀN THUNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

**Phạm Ngọc Tâm**

| | |
|---|---|
| **CÔNG TY TNHH**<br>**PKĐK BÁC SĨ ĐOÀN THUNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 148/QĐ-PKĐKĐT | *Đại Lộc, ngày 06 tháng 10 năm 2026.* |

# QUYẾT ĐỊNH

***V/v Chấm dứt hợp đồng lao động***

---

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA BÁC SĨ ĐOÀN THUNG**

- *Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên (đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25/8/2025)*
- *Căn cứ Bộ luật lao động của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã sửa đổi, bổ sung số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019;*
- *Căn cứ Hợp đồng lao động số: 14/2025-HĐLĐ ký ngày 04/12/2025 giữa Công ty TNHH Phòng khám đa khoa bác sĩ Đoàn Thung với bà Nguyễn Thị Anh;*
- *Xét Đơn xin nghỉ việc của bà Nguyễn Thị Anh ngày 01/09/2026;*
- *Theo đề nghị của Bộ phận Tổ chức Hành chính & Nhân sự.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Nay chấm dứt hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị Anh, chức danh: Bác sĩ chuyên khoa Nội.

**Thời gian nghỉ việc** từ ngày 06/10/2026.

**Lý do:** Nghỉ việc theo nguyện vọng.

**Điều 2:** Bà Nguyễn Thị Anh có trách nhiệm bàn giao công việc, hồ sơ - sổ sách, chứng từ, thiết bị, máy móc liên quan đến trách nhiệm cá nhân cho Phòng khám trước khi nghỉ việc.

Các khoản lương và phụ cấp khác của bà Nguyễn Thị Anh được chi trả đến hết ngày 05/10/2026

**Điều 3:** Bộ phận Tổ chức - Hành chính - Nhân sự, các cá nhân liên quan và bà Nguyễn Thị Anh căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 06/10/2026.

| | |
|---|---|
| **Nơi nhận:**<br>*- Như điều 3*<br>*-Lưu TCHC&NS* | **GIÁM ĐỐC**<br>M.S.D.N: 4001226381 - C.T.N.H<br>CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA BÁC SĨ ĐOÀN THUNG<br>THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG<br>**Phạm Ngọc Tâm** |